

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21/01/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN ĐỒN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lý Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Định

2. Bà Hoàng Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Đức Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn tham gia phiên tòa: bà Mạc Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/12/2024; giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: anh Phạm Đăng N - sinh năm: 1983; địa chỉ: tổ 10, khu S, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

+ Bị đơn: chị Tống Thị Th - sinh năm 1988; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2024, bản tự khai ngày 06/12/2024 có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Phạm Đăng N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tống Thị Th được tự do tìm hiểu và tự nguyện xây dựng gia đình với nhau. Ngày 27/12/2011, anh và chị Th đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, anh và chị Th về chung sống tại tổ 10, khu S, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh và chị Th bất đồng về quan điểm sống, mỗi người một ý không ai nghe ai, dẫn tới vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, từ cuối năm 2020, anh và chị Th đã sống ly thân với nhau, chị Th về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã Đ, huyện V sinh sống, còn anh vẫn ở phường C, thành phố C, từ đó đến nay anh và chị Th không còn quan tâm đến nhau, việc ai người

ấy làm. Nay anh xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục quay lại chung sống với chị Th được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tổng Thị Th.

- Về con chung: Anh và chị Th có một con chung tên là Phạm An Nh - sinh ngày 15/01/2012, anh đề nghị Tòa án giao con chung Phạm An Nh cho chị Tổng Thị Th được quyền quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh không phải cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản, vay nợ chung: Anh và chị Th không có tài sản chung và không có vay nợ chung, anh không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 12/12/2024 bị đơn chị Tổng Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: thời gian kết hôn và quá trình chung sống phù hợp như anh N trình bày. Chị và anh N chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị và anh N bất đồng về quan điểm sống và cách giáo dục con, mỗi người một ý không ai nghe ai dẫn tới vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng càng lớn dẫn tới vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được. Từ cuối năm 2020 chị và anh N sống ly thân cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay anh N yêu cầu ly hôn với chị, chị đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh N được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh N có một con chung tên là Phạm An Nh - sinh ngày 15/01/2012. Chị đồng ý với quan điểm của anh N, đề nghị Tòa án giao con chung Phạm An Nh cho chị được quyền quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản, vay nợ chung: Chị và anh N không có tài sản chung và không có vay nợ chung, chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân ngày 12/12/2024 tại khu phố S, phường C, thành phố C có nội dung:

Anh N và chị Th là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình anh N và chị Th chung sống anh chị có bất đồng trong sinh hoạt, thường cãi cọ nhau. Từ cuối năm 2020, anh N và chị Th đã ly thân, chị Th đưa con đi về nhà bố mẹ đẻ ở Vân Đồn, anh N vẫn ở tại thành phố Cẩm Phả, từ đó đến nay không thấy anh N và chị Th quay về chung sống với nhau. Anh N và chị Th có một con chung, hiện nay con chung của anh chị ở cùng với chị Th.

Tại biên bản ghi nguyện vọng của con chung ngày 13/12/2024 cháu Phạm An Nh có nguyện vọng ở cùng với mẹ là chị Tổng Thị Th.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác; các đương sự trong vụ án thực hiện đúng quyền và nghĩa

vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Đăng N, anh Phạm Đăng N được ly hôn với chị Tổng Thị Th; giao con chung Phạm An Nh cho chị Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh N không phải cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn chị Tổng Thị Th có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, nên yêu cầu của xin ly hôn của anh Phạm Đăng N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Đăng N và chị Tổng Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Vân Đồn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh N và chị Th kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 27/12/2011 là tự nguyện, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh N và chị Th về chung sống tại tổ 10, khu S, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh, chị bất đồng về quan điểm sống, mỗi người một ý không ai nghe ai, dẫn tới vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Cuối năm 2020, anh N và chị Th đã sống ly thân với nhau, chị Th về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã Đ, huyện V sinh sống, còn anh N vẫn ở phường C, thành phố C, từ đó đến nay anh N và chị Th không còn quan tâm đến nhau, việc ai người ấy làm.

Xét thấy lời khai của anh N, chị Th phù hợp với ý kiến của khu phố S, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh nơi anh N, chị Th chung sống nhận xét: quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn trong sinh hoạt, hay cãi cọ nhau. Từ cuối năm 2020 thì anh N, chị Th ly thân.

Từ những phân tích trên nhận thấy mâu thuẫn giữa anh N và chị Th đã bắt đầu từ năm 2018 mâu thuẫn trầm trọng đến năm 2020 thì anh chị ly thân, hai vợ chồng cũng cố gắng khắc phục tình cảm kéo dài tình trạng hôn nhân nhưng không có kết quả, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài nhiều năm, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh N và chị Th đều đồng ý ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N là được ly hôn chị Th.

[3] Về con chung: anh N và chị Th có một con chung tên là Phạm An Nh, sinh ngày 15/01/2012. Anh N và chị Th đều đề nghị Tòa án giao con chung Phạm An Nh

cho chị Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh N không phải cấp dưỡng cho con chung. Xét thấy, sau khi anh N và chị Th ly thân cháu Nh ở cùng chị Th cho đến nay, hiện cháu đang sinh hoạt và học tập ổn định, cháu Nh cũng có nguyện vọng ở cùng với chị Th. Do đó, đề nghị của anh N, chị Th là có căn cứ, bảo vệ quyền lợi cho cháu Nh. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N, chị Th, giao cháu Phạm An Nh cho chị Tổng Thị Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh N không phải cấp dưỡng cho con chung. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, chị Th cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản và vay nợ chung: anh Phạm Đăng N và chị Tổng Thị Th không có tài sản chung, không có nợ chung. Anh chị không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: anh Phạm Đăng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: anh Phạm Đăng N và chị Tổng Thị Th có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Đăng N.

- Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Đăng N được ly hôn chị Tổng Thị Th.

- Về con chung: giao con chung Phạm An Nh - sinh ngày 15/01/2012 cho chị Tổng Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Đăng N không phải cấp dưỡng cho con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Th cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: anh Phạm Đăng N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004177 ngày 06/12/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Anh Phạm Đăng N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn;
- CCTHADS huyện Vân Đồn;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, V, Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lý Văn Thái